

## CHUYỆN CÔ TIÊN

Bửu Nguyễn

Ba tôi qua đời bất ngờ năm 1964, nhỏ em út còn trong bụng Má.

Tôi phải nghỉ học, tìm việc làm ngày đêm để phụ giúp Má tôi nuôi 6 đứa em còn nhỏ dại.

Đầu năm 1965, tôi được mời đến dạy kèm Toán cho cô con gái lớn một gia đình người Việt ở Nam Vang. Mỗi ngày 2 tiếng, từ 7 đến 9 giờ tối, từ thứ Hai đến thứ Sáu.

Em học trường Providence, còn gọi là trường Bà Phước, lúc đó chỉ dành cho nữ sinh. Em nhỏ hơn tôi một tuổi nhưng mới ở lại Cinquième, trong khi tôi đã đậu Brevet d'Études du Premier Cycle hai năm trước.

Có lẽ vì là con gái nhà khá giả nên em hơi... làm biếng học, nhất là toán, géometrie và algèbre.

Lúc đầu, tôi hơi nản lòng vì... em nhìn bài vở như thấy ma, tôi thường phải làm bài giùm em, nhưng từ từ em nghe lời tôi khuyên, chịu làm bài, chịu học bài, và được lên lớp mỗi năm.

Đầu năm 1968, em học Troisième, chuẩn bị thi Brevet. Tôi kèm em từng môn, giúp em làm những bài vở mà đúng ra tôi không cần giúp. Em trả ơn bằng cách mời tôi ở lại ăn cơm tối.

Tôi cho em mượn những quyển sách mà tôi đã học qua, trong một lần trả sách, em kèm theo tấm giấy chỉ viết một câu “cho moi làm amie intime của toi nha”.

Tôi gật đầu vì sợ em giận, em không thèm học nữa. Từ đó, em hẹn tôi đi chơi cuối tuần, tôi cũng gật đầu với điều kiện là em phải xin phép Ba Má đằng hoàng và phải ráng học.

Tôi biết em thương tôi, tôi cũng thương em. Tôi gọi em là “cô Tiên” vì em có dáng dấp qua cầu gió bay, có bước đi lả lướt nhẹ nhàng như các nàng tiên nữ trong vũ khúc nghệ thường, vì em đã mang đến cho tôi những cảm xúc mà người trần gian chưa từng cho tôi trước đó.

Những ngày mưa, không đi chơi được thì tôi ngồi hát em nghe bên mái hiên nhà:

*Một chiều cuối tuần mưa bay lất phất và mây trắng giăng giăng  
Em đến thăm anh vì trời mưa mãi nên không kịp về  
Bên anh, em lặng nhìn bầu trời và ánh mắt mộng mơ  
Sợ người yêu khóc, khe khẽ bên tai anh kể chuyện ngày xưa.  
Chuyện xưa kể rằng trên thiên giới ấy ngày vui kết hoa đăng  
Thiên Quốc đang vui một nàng tiên nữ làm rơi ly ngọc ngà*

*Đang say nên trời bèn đọa đày nàng tiên xuống trần gian  
Làm người dương thế không biết bao lâu mới được quay về trời.  
Em ơi nàng tiên ấy xuống dương trần một chiều mưa bay nhiều  
Và vì thương trần thế, thương kiếp sống phong sương  
Nên dù rằng một hôm Thiên Quốc trời sai  
Gom mây hồng làm xe đưa tiên về  
Tiên nói dối tiên còn đang giận trời nên tiên chẳng về đâu.  
Nàng tiên giáng trần không đôi cánh trắng giờ đang ngắm mưa bay  
Đang đứng bên anh thăm cầu mưa mãi cho tiên đừng về  
Anh ơi lỡ mà trời gọi về thì tiên chẳng về đâu*

Nhưng tôi luôn nhớ mình là con trai nhà nghèo, chỉ có chiếc Mobylette cà tàng làm chân đi kiếm cơm mỗi ngày. Em là con gái nhà khá giả, đi học có xe đưa rước, về nhà không làm động móng tay vì đã có chị bếp, chị bồi, chị vú lo toan mọi việc. Nếu hai đứa thành vợ thành chồng, em cực thân là cái chắc.

Trong một lần kề vai nhau đi quanh công viên Chùa Tháp, trời bỗng dưng mưa. Tôi bật dù che hai đứa nhưng mưa càng lúc càng nặng hạt, em bỗng xoay người lại ôm hôn tôi dưới mưa. Tôi than thầm trong bụng “gặp oan gia truyền kiếp rồi”.

Năm đó, em thi đậu Brevet và tôi nghỉ dạy vì vừa xin được cái job thư ký kế toán ở hãng L’UCIA, Nam Vang.

Lúc trước gặp nhau 5 ngày mỗi tuần, có nhiều thì giờ để nói với nhau những gì muốn nói. Giờ phải chờ đến cuối tuần mới được gặp nhau vài tiếng, nhớ ơi là nhớ. Tôi bắt đầu làm thơ “nhớ em”...

*Nhớ lúc xưa kia mới biết nhau  
Rồi thương rồi nhớ suốt đêm thâu*

*Đêm nào cũng vái cho mau sáng  
Nhớ quá trời ơi! Nhớ phát rầu.*

*Nhớ những chiều em qua phố vắng  
Dáng hồng xen lẫn bóng hàng cau*

*Mân mê vạt áo, em e lệ  
Những lúc anh nhìn, má đỏ au.*

*Nhớ lúc mình đan tay đếm bước  
Em run run hỏi: – Sẽ ra sao ?*

*Anh cười, anh nói như đinh đóng:  
– Anh sẽ yêu em đến bạc đầu!*

Đưa bài thơ cho em, em bỏ túi nói sẽ về nhà đọc. Tuần sau gặp nhau, em không nhắc gì về bài thơ của tôi mà hỏi tôi nghĩ gì về cuộc sống hai đứa sau này.

Tôi nói là nhà tôi nghèo, em nói em biết rồi, tôi phải đi làm giúp Má nuôi các em còn nhỏ, em nói em cũng biết rồi, nếu mình cưới nhau thì em sẽ cực thân hơn là sống với Ba Má em...

Em trả lời làm tôi chưng hửng “hiện nay, cái khổ nhất mà “moi” phải chịu đựng hàng ngày là nhớ “toi”, cái cực nhất mà moi phải chịu đựng hàng ngày là làm sao để gặp toi sớm hơn, nên moi không sợ gì cả. Trời sanh voi sanh cỏ”.

Tôi khuyên em nên kiên nhẫn, nói cho em hiểu lúc này là thời gian đẹp nhất trong cuộc tình hai đứa, cái nhớ cái thương bây giờ sẽ làm mình gắn bó nhau hơn sau này...

Em nghe lời tôi và chuyện hẹn hò của chúng tôi kéo dài cho tới đầu năm 1970.

Tướng Lon Nol lật đổ vua Sihanouk, tự phong là tổng thống xứ Kampuchea (Cao Miên).

Một số người Miên quá khịch thừa nước đục thả câu, “cáp duồn” (nghĩa là chặt người Việt) lẻ tẻ. Đang đêm, họ đến gõ cửa nhà người Việt ở những vùng thôn quê hẻo lánh. Một số người Việt không may đã bị họ chặt đầu, xác thả trôi sông về tới Tân Châu, Hồng Ngự... Nhiều người Việt có chút của ăn của để ở Cao Miên bán tháo tài sản để về Miền Nam Việt Nam lánh nạn. Ba Má em cũng không ngoại lệ.

Em gặp tôi bàn chuyện này. Tôi đem việc này hỏi ý kiến ông giám đốc hãng L’UCIA. Ông giám đốc đưa hai đứa tôi về biệt thự do hãng mượn cho ông ở trên đại lộ Norodom, ngay trung tâm thủ đô Nam Vang. Ông nói:

“nhà tao có 2 người bồi bếp, có 2 con chó berger giữ nhà. Nhà có 5 phòng, tao ở chỉ một phòng. Nếu hai đứa thấy ở nhà này không an toàn thì đến đây ở với tao. Tao tin tưởng và cần thằng B. giúp tao giữ gìn sổ sách của hãng nên hai đứa này muốn ở phòng nào, muốn ở bao lâu cũng được”.

Nghe vậy, chúng tôi yên tâm và quyết định ở Nam Vang dù Ba Má em có về Sài Gòn.

Em về xin Ba Má cho hai đứa làm đám cưới. Má em có cảm tình với tôi nên gật đầu. Ba em im lặng vì biết tôi nghèo, sợ con gái cưng của ông sẽ cực khổ khi về làm vợ tôi. Em nói với Ba Má em “nếu Ba Má không tổ chức đám cưới cho hai đứa con, tụi con sẽ tự lo. Con muốn làm vợ anh B. danh chánh ngôn thuận”.

Và hai đứa tôi tự tổ chức lễ cưới của mình.

Sáng ngày 24/02/1970, Má tôi và tôi mang trầu cau và phẩm vật đến xin cưới em

Chúng tôi lạy bàn thờ tổ tiên nhà em, xin quý ngài chứng giám cho chúng tôi thành vợ thành chồng. Tôi mượn xe Mercedes để rước “cô Tiên” xuống trần.

Tối đến làm tiệc cưới tại nhà hàng La Lune, đối diện State Olympic, với 200 quan khách, họ hàng và bạn bè nhà trai, nhà gái. Dĩ nhiên là có nhạc sống do mấy tên bạn tôi tự mang đồ nghề đến giúp vui.

Đêm đó, hai đứa tôi khiêu vũ và cụng ly với bạn bè gần tới sáng.

Sau ngày chúng tôi thành hôn thì tình hình chính trị giữa hai nước Kampuchea và Miền Nam Việt Nam biến chuyển dồn dập. Ông bà nhạc tôi và gia đình bay về Sài Gòn vài ngày sau đó. Vợ chồng tôi vẫn ở Nam Vang. Tôi vẫn đi làm ở L'UCIA .

Khi xác nhiều người Việt trôi về tới Hồng Ngự, Tân Châu, ông Nguyễn Cao Kỳ – lúc đó là Phó Tổng Thống VNCH – ra lệnh cho Quân-đoàn 3 tràn qua biên giới, lấy cớ là để “bảo vệ kiều bào VN”.

Trung tướng Đỗ Cao Trí nhận lệnh với lời tuyên bố làm chấn động chính phủ Cao Miên:

“Cho tôi 24 tiếng, tôi sẽ chiếm Nam Vang”.

Ông Lon Nol nghe muốn té đái. Mới làm tổng thống có mấy ngày, nếu để QLVNCH chiếm Nam Vang thì mất mặt bầu cua. Ông gọi điện năn nỉ chính phủ VNCH đừng chiếm Nam Vang nên Quân-đoàn 3 dừng lại ở Neak Luong (người Việt mình gọi là Hồ Lương), một bến phà chỉ cách Nam Vang 60 cây số.

Nghे tin QLVNCH tràn qua biên giới, cả trăm ngàn kiều bào VN ở Cao Miên, trong đó có vợ chồng tôi, bỏ tất cả tài sản, dắt díu nhau vào các trại tị nạn. Các sân trường trung học, chùa, nhà thờ bỗng trở thành những trại tị nạn khổng lồ.

Vợ chồng tôi vào trường Seminaire, nơi tôi đã học năm cuối chương trình Tú tài Pháp hai năm trước.

Trong trại Seminaire, người ta chia ra nhiều nhóm, mỗi nhóm 10 gia đình, trước hết là để lãnh nước uống, sau là thức ăn, lúc đó chỉ có khô cá lóc do Red Cross cung cấp. Tôi làm trưởng nhóm 31.

Đầu tháng 5/1970, ông Nguyễn Cao Kỳ bay lên Nam Vang, nói là thăm xã giao tướng Lon Nol nhưng thật sự là đi thanh tra các trại tị nạn. Tối đêm trước, tôi và các trưởng nhóm được lệnh phải thu tất cả những gì có thể coi như là vũ khí gồm dao, gậy,... và cùng nhiều người thức gần sáng đêm để dựng cái sân khấu dã chiến.

Khi ông Kỳ vào trại Seminaire, ông đến từng lều, bắt tay và hỏi thăm từng người. Điều làm mọi người chú ý là 2 anh đại-úy cận vệ.

Họ cao hơn ông Kỳ 1 cái đầu, mặc đồ bay, mang súng ngắn dưới nách, nhưng không cản trở khi kiều bào đến bắt tay, thậm chí ôm hôn ông Kỳ.

Ông Kỳ lên sân khấu, nói vài lời thăm hỏi xã giao rồi hứa:

“Tôi sẽ đưa tất cả đồng bào về quê hương!”

Ông nhận được những tràng pháo tay như sấm động của mấy ngàn người trong trại Seminaire. Nhiều bà lão bò ra khoảng trống trước sân khấu lạy ông Kỳ như tể sao.

Vài ngày sau, chúng tôi được phát thịt heo lần đầu, dù không ai biết ai cho nhưng mọi người nghĩ là từ chính phủ VNCH. Tuần sau, một đoàn “tàu há mồm” của Hải quân VNCH cập bến sông Mekong.

Danh sách từng nhóm được gọi để rời trại xuống tàu về nước. Vợ chồng tôi thuộc danh sách thứ 31 nên gần cuối tháng 5/1970 mới được rời trại. Sau 1 ngày lên đênh trên sông Tiền (hay sông Hậu?) thì về tới trại Đồng Tâm, Mỹ Tho, lúc đó là hậu cứ của Sư-đoàn 7 BB.

Vợ chồng tôi chỉ ở trại Đồng Tâm 5 ngày. Làm giấy tờ nhập cảnh xong thì Ba em lái xe xuống rước về Sài Gòn.

Cuộc sống chúng tôi từ ngày về Sài Gòn không còn... tà tà như lúc ở Nam Vang.

Cũng như tất cả Việt kiều hồi hương lúc đó, tôi được hoãn dịch 18 tháng. Thời gian không nhiều nên tôi làm ngày làm đêm. Em cũng đi làm. Cuối tuần hai đứa đưa nhau đi ăn mì xào giòn, hay ăn nghêu luộc.

Mỗi tối đi làm về, tôi chạy thẳng vô Chợ Lớn mua cho em cái bánh bao Ông Cả Cần của Bà Năm Sa-Đéc. Lúc này em không còn thơ thẩn, mà ngược lại... em ăn rất bạo.

Dù không nói ra, tôi biết em đang chuẩn bị cái bụng cho đứa con đầu lòng của chúng tôi, dù không biết lúc nào nó sẽ tượng hình.

Nhiều người trong gia tộc hai bên thường trề môi nói “thằng B. con nhà lính tính nhà quan, mới ở Nam Vang về tay trắng mà vợ nó muốn gì được nấy”....

Mấy người này không biết là lúc còn độc thân, tôi đã đọc một câu định nghĩa “người phụ nữ lý tưởng” của 1 người đàn ông như sau:

“Người phụ nữ lý tưởng của một người đàn ông là người bạn, người tình và là người vợ của người đàn ông đó”.

Hồi đọc câu đó, tôi chưa gặp cô Tiên nên tôi đã tự hỏi ngược lại là “tôi có thể vừa là người bạn, vừa là người tình, và là chồng của vợ tôi không”. Ông nào muốn biết cái vụ này nó khó cỡ nào cứ thử của một cô bạn gái rồi cưới cố về làm vợ thì sẽ hiểu câu... “chưa thấy quan tài chưa đổ lệ”.

Nhưng khi gặp rồi thương yêu cô Tiên, cái định nghĩa xưa tự nó cho tôi lời giải đáp.

Lúc mới thương nhau, tôi thường kể em nghe chuyện bồ bịch của tôi lúc trước. Em chẳng những không ghen hờn, mà còn góp ý đôi khi rất tiểu lâm, rồi hai đứa cười hí hí.

Lúc hai đứa đi chơi, gặp cô nào có “ngực tấn công, hông phòng thủ” là tôi hay quay lại nhìn, em im lặng nắm tay tôi, đợi cô đó đi khỏi tầm mắt mới hỏi “bộ toi hồng thấy cổ đi hai hàng hả?”.

Khi vào tiệm bán sách, tôi có cái tật (hổng biết xấu hay tốt) là đứng hơi lâu trước mấy cái đặc san người lớn như Playboy. Em im lặng đứng bên tôi, đến khi rời tiệm sách em mới phê bình... “nhỏ này vú đẹp, cô kia mỏng teo...”.

Chỉ khi đến kệ bày mấy cuốn Salut les Copains, em mới thò tay lựa cuốn mới nhất và tự ra quầy trả tiền.

Em chưa bao giờ bắt tôi trả tiền những gì em mua cho riêng em.

Em chưa bao giờ lớn tiếng hay dùng lời lẽ không lịch sự với bất cứ ai, dù đôi khi tôi hay ai đó vô tình hoặc cố ý làm em giận.

Ba em nói với em “Ba thấy nó đi nhảy đầm, tay trái một con, tay mặt một con”.

Em trả lời “những gì ảnh làm lúc còn độc thân là quyền của ảnh, con không cần biết (thật ra tôi đã kể em nghe hết rồi). Chỉ cần biết hiện giờ hai đứa con thương nhau thật lòng là được rồi”.

Em có cách hôn, chỉ phớt nhẹ, làm tôi hồn phi phách tán. Khi thấy tôi buồn, em cầm tay tôi, xoa nhẹ lên mu bàn tay, khiến tôi quên hết mọi phiền não. Sau này thành vợ thành chồng, em vẫn là người tình tuyệt vời. Em biết cách làm tôi quên những nghiệt ngã mà tôi đã trải qua trong ngày hôm đó.

Em biết tiết kiệm, vén khéo với số tiền mà chúng tôi kiếm được. Em không se sua, dù luôn ăn mặc thanh lịch. Mỗi lần hai đứa ra đường là tôi phải ngoái nhìn sau, coi có tên nào nhìn lén em không.

Khi đứa con đầu lòng của chúng tôi chào đời năm 1972, em tự nguyện bỏ bớt chuyện mua sắm cho riêng mình, để có đủ tiền cho con chúng tôi bú sữa Guigoz 3 năm liên tục.

Cô Tiên đã là một người bạn, một người tình và là người vợ tuyệt vời của tôi.

Được một người vợ như cô Tiên, em muốn gì được nấy không có gì quá đáng.

Bán nhà cho em cũng được, hưởng chi là ba cái lẻ tẻ.

Tháng 4/1972, tôi hết hạn hoãn dịch, phải đi lính cho tới ngày tan hàng.

Sau 75, có ngày hai đứa phải ăn sáng bằng... cơm nguội, nhưng em luôn dành 1 hoặc 2 đồng cho con chúng tôi có gói xôi nóng hay tô cháo huyết.

Cực nhất là lúc chúng tôi về quê tôi sống từ năm 1976 đến năm 1979.

Má tôi cho 2 công ruộng và nửa công vườn, đủ cho gia đình chúng tôi sinh sống, không cần phải đi làm mướn, làm thuê.

Nhưng không may là hai năm 77-78, lũ lụt tràn vào ngập ruộng trước khi lúa chín. Nông dân vùng Tân châu đói thể thảm. May mà tôi cất nhà sàn, cao khoảng 1.5m, nên nước ngập lé đế sàn nhà.

Nhiều nông gia ở nhà đất, phải kê tủ giường lên cao, có người kê giường tới gần đưng nóc nhà.

Mỗi ngày, cô Tiên ngồi trên sàn nước, miệt mài câu từng con cá chốt, cá sặc, cá lòng tong. Tôi không dám nhìn lâu. Đến bữa ăn chỉ có món cá kho thập cẩm vậy mà thằng con khen “má kho cá ăn ngon”.

Tôi mắc nghẹn từng hồi. Rồi cũng qua.

Ở quê, em không cho con đi học, nói mấy ổng dốt mà dạy cái gì!

Vợ chồng tôi thay nhau dạy con nói và viết tiếng Việt, tiếng Pháp.

Bài học tiếng Việt đầu tiên là bốn câu thơ của ngài Lý Thường Kiệt :

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Tiếng Pháp thì chúng tôi dạy con nói và viết những câu chào hỏi thông thường, không ngờ khi qua Úc nó học tiếng Anh nhanh hơn những bạn bị nạn khác nhờ tiếng Pháp và tiếng Anh có nhiều chữ giống nhau.

Qua năm 79, tôi trúng mùa. Bán mấy chục giạ lúa, thêm chút tiền dành dụm, mua được cái ghe nhỏ, tính chuyện lớn. Khoang ghe chỉ vừa đủ cho hai người lớn và một đứa nhỏ chen vai nhau ngủ. Tôi không biết chèo, tập cả tháng sau mới chèo được 2 chèo. Em không biết lội nhưng nhất quyết đòi đi đến những nơi có thể cho chúng tôi thấy được tương lai. Em nói “mình đã sống mấy năm ‘có miệng không nói lại câm, hai hàng nước mắt chan đầm như mưa’. Đủ rồi, phải đi tìm tương lai cho mình và cho con”.

Vậy là đi.

Chèo từ Tân châu tới Long xuyên mất hai ngày. Nghỉ xả hơi một ngày rồi chèo tiếp tới Ô Môn, Cần Thơ, Ngã 7, Sóc Trăng, Hộ Phòng, Gành Hào, và sau cùng là ngã 3 cây Tàn.

Ở ngã 3 cây Tàn hơn 1 tháng vì có người mượn tôi đào ao nuôi cá.

Đào ao 1 tháng được 2 giạ gạo và một mớ tiền. Chúng tôi trở ra Gành hào vì thấy nơi này là nơi lý tưởng để ra đi. Tôi giấu dưới khoang ghe cái máy đuôi tôm, thường ngày không dám sử dụng, sợ người ta dòm ngó, định khi nào đi mới xài.

Ở Gành Hào đêm trước, thì đêm sau bị bão.

Mưa như trút nước, sấm chớp đầy trời. Chiếc ghe tôi lắc lư như người say rượu, nửa đêm đứt dây buộc sào trôi ra giữa sông. May là lúc đó nước lớn, nước từ ngoài biển đổ vô sông, nếu ngược lại thì có thể bão đã đưa chúng tôi qua Thái Lan hay hồng chùng... vô bụng cá. Tôi cột sợi dây quanh bụng, cố gắng lội vô bờ.

Hình như... lúc không còn cái gì để sợ nữa thì mình mạnh hơn bình thường nên tôi đã kéo chiếc ghe tới dưới dạ cầu chợ Gành hào.

Buộc dây ghe lại đàng hoàng là tôi ngã lẩn ra thở dốc, lạnh run cầm cập. Em lau mình cho tôi và đưa tôi cái bánh bía, hồng biết em mua lúc nào, đúng là cô Tiên. Ăn cái bánh bía đêm đó, hương vị thơm ngon còn phảng phất tới bây giờ.

Bye bye Gành hào, tôi gắn máy đuôi tôm chạy về Long Xuyên.

Chúng tôi ở Long Xuyên gần 3 năm. Tôi làm bất cứ chuyện gì, miễn là lương thiện, để có tiền nuôi vợ con. Có lúc đạp xe lỏi, có lúc vác lúa gạo ở các nhà máy xay lúa, có lúc làm tạp nhạp.

Đến tháng 2/1982, em tìm được đường dây ra nước ngoài vừa với khả năng của vợ chồng tôi lúc đó.

Cái may là chúng tôi chỉ đi một lần là tới Mã Lai. Ở Bidong 1 tháng rưỡi là được phái đoàn Úc nhận. Qua trại chuyển tiếp Sungei Besi2, ngoại ô Kuala Lumpur để khám bệnh, bổ túc hồ sơ. 3 tháng rưỡi sau là chúng tôi có list đi Úc.

Vài ngày sau khi đặt chân lên đất Úc, lúc đó chúng tôi chỉ biết tiếng Pháp chưa biết tiếng Anh. Em nói với tôi “mọi người không thích nhờ thông dịch, nhà mình phải có một người giỏi tiếng Anh, toi phải đi học. Mọi người sẽ đi làm nuôi toi và con”! Nghe ghê chưa?

Mà em cũng không biết tiếng Anh thì đi làm cái gì? Em quên mình từng là một tiểu thơ được cơm bưng nước rót, em quên mình từng đi học có xe đưa rước, em quên mình là... cô tiên của tôi, nên ai mượn gì làm nấy. Quét dọn nhà cửa cho người Úc, chăm sóc con em của đồng hương, làm chả giò bán sỉ (không biết em học ở đâu mà làm chả giò và đồ bánh xèo ngon nhất Darwin).

Tôi cũng đi làm ban ngày, đi học ban đêm. Bảy năm ròng rã, tôi lấy được 2 cái Certificates về kế toán và quản trị địa ốc và xin được cái job “Security Administrator” tại trường đại học Charles Darwin University ở Darwin đầu năm 1985.

Tôi làm việc tại CDU liên tục hơn 27 năm, đến khi nghỉ hưu cuối năm 2012.

Em không đi học tiếng Anh một ngày nào nhưng sau này... lại làm thông dịch cho bạn bè, nhiều nhất là mấy cô lấy chồng Úc, mới qua Úc chân ướt chân ráo, tìm đến em nhờ giúp đỡ. Em chở họ đi làm hồ sơ nhập cư, điền đơn xin tiền an sinh xã hội... Bà xã tôi thương đồng hương nên ai nhờ thì giúp, cứ ăn cơm nhà vác ngà voi, không đòi hỏi ai phải trả đồng bạc nào dù biết làm thông dịch cũng được trả tiền. Mấy cô vợ Úc thương em lắm, cuối tuần là ghé nhà tôi xào xào nấu nấu ... thật vui.



Hỏi em mới biết, em học tiếng Anh bằng cách theo dõi các chương trình Play School trên TV. Chương trình này dạy con nít Úc nói/viết tiếng Anh để chuẩn bị vô mẫu giáo. Em đọc báo tôi mang về mỗi ngày. Không hiểu chữ nào, đoạn nào thì em hỏi tôi hay tra tự điển.

Tiểu lâm nhất là khi bà hàng xóm nhờ em làm thông dịch. Bà này gốc Ý (Italy), có chồng gốc Tây Ban Nha (Spain). Bà ta đến Úc theo diện vợ chồng năm 1978 và không đi học ngày nào. Khi rảnh rồi bà ta qua nói chuyện với bà xã tôi. Bà ta nói “broken english” với giọng Ý nên tôi và mọi người không ai hiểu cả. Vậy mà bà xã tôi hiểu nên mỗi lần bà hàng xóm cần đi bác sĩ, hay bất cứ cơ quan công quyền nào ở Darwin là qua năn nỉ nhà tôi theo làm thông dịch.

Một năm sau ngày đến Úc, tôi được bầu làm tổng thư ký Hội Người Việt Tự Do tại Darwin, sau đổi tên thành CĐNVTD Bắc Úc cho tới bây giờ. Tôi dính với các sinh hoạt của CĐ mình cho tới năm 2017 mới rút chân ra được. Suốt thời gian này, bất cứ tôi làm cái gì đều có sự giúp đỡ, yểm trợ khi công khai khi âm thầm của cô Tiên.

Đứa con thứ hai của chúng tôi chào đời năm 1984 tại Darwin.

Nhìn em cho con bú, tắm rửa cho con, nâng niu thẳng nhỏ như vàng như ngọc, tôi nhớ lại những ngày hai đứa mới thương nhau, mỗi lần bên nhau là bàn chuyện mai này... tôi viết bài thơ tặng em.

*Một chiều lãng đãng ánh tà dương  
Em kể anh nghe chuyện mộng thường*

*Đôi mắt em nhìn sao xuyên quá  
Như sao lấp lánh một trời thương.*

*Từ đó đời mình hết lẻ loi  
Đan tay qua phố bước chung đôi*

*Em cười rạng rỡ như tiên nữ  
Tiên nữ của anh – cũng được rồi.*

*Từ đó đời mình ươm ước mơ  
Từng đêm anh cắn bút làm thơ*

*Mỗi dòng ôm ấp ngàn thương nhớ  
Thương nhớ lớn theo nỗi đợi chờ.*

*Từ đó mình bàn chuyện lứa đôi  
Mai này, mình có hai con thôi*

*Trưởng nam, phần nó lo hương hỏa  
Em nó, cô Ba – có rượu mời.*

*Từ đó mình bàn chuyện cưới nhau  
Anh giành chọn áo cưới cô dâu*

*Màu vàng, hoàng hậu lòng anh đó  
Em nói : – Màu hồng, áo cô dâu!  
Từ lúc về làm vợ của anh*

*Âm thầm mình kết mộng ngày xanh  
Trưởng nam bật khóc, cương như ngọc*

*Đứa rể trai luôn, quý tựa vàng.  
Nhiều đêm nằm gác tay lên trán*

*Anh cám ơn Trời, cám ơn em  
Bảy nổi ba chìm mình chẳng oán*

*Vì em có anh, anh có em.*

Từ năm 2005 đến năm 2015, chúng tôi tổ chức những bữa ăn cứu trợ Thương Phế Binh còn sống khổ sở nơi quê mình bằng cách... tổ chức BBQ tại nhà tôi. Thức ăn do bà xã tôi và vài người bạn thân cùng chung sức nấu nướng, tôi bỏ tiền túi mua bia và nước giải khát. Ăn uống free. Tôi để 1 cái “Thùng Cứu trợ” trên bàn, ai cho bao nhiêu, tôi gửi về VN giúp anh em thương phế binh bấy nhiêu, theo tiêu chuẩn mỗi người 100 Úc Kim.

Vì số người Việt ở Darwin rất khiêm nhường, chỉ có vài trăm người, nên lúc đầu chỉ được vài ngàn. Từ từ, bà con tin tưởng nên khi có dịp đi ngang nhà tôi là họ bỏ tiền vô thùng thơ, không đợi đến Bữa ăn Cứu trợ.

Gỗ máy tới đây, bỗng nhiên làm biếng... không muốn gõ máy nữa, vì đang nhớ cô Tiên, nhớ quá xá nhớ.

Cô Tiên của tôi đã về trời sau khi đã cùng sống chung với cha con tôi 43 năm, 3 tháng, 27 ngày hạnh phúc.

Em quy tiên sau một cơn bạo bệnh. Từ một người mạnh khỏe bình thường, đúng 5 tuần sau thành người thiên cổ.

Trong những ngày cuối của cuộc sống nơi dương thế, khi thấy hai con đứng nhìn em, nước mắt lưng tròng, em cầm tay con lắc lắc, mỉm cười nói:

“Chúa cũng chết, Phật cũng chết, thì Má cũng chết. Má đã trả xong món nợ ân tình với Ba con và các con thì Má đi. Con trai khóc... xấu lắm”.

Con tôi quệt nước mắt... miệng cười méo xẹo.

Trong Hospice Hospital, nơi dành cho những bệnh nhân... “terminally ill”, mỗi ngày có y tá đến đánh răng và lau mình cho em.

Có một lần em cảm ơn họ “Thanks so much for keeping my body clean. I know it’s shutting down”.

Cô y tá người Úc trợn mắt nhìn em, rưng rưng nước mắt. Sau này, cô nói với tôi:

“Tao chưa thấy ai sắp chết mà còn lịch sự và tỉnh táo như vợ mày”.

Khi biết mình sắp trả xong cái nghiệp ở dương gian, em nắm tay tôi dặn dò phải tổ chức tang lễ em như thế nào. Thịnh vị tăng ni nào chủ trì tang lễ, xong phải hỏa thiêu và chỉ giữ tro cốt 100 ngày. Sau đó mang tro cốt em rải trên sông Parramatta, đoạn gần Opéra House ở Sydney, là nơi em thích đi dạo mỗi lần đi thăm con.

Em nói nhỏ nhẹ như đang lo tang lễ của ai khác. Tôi chỉ biết im lặng gật đầu, ráng kèm cho nước mắt đừng chảy ra. Tôi đã làm đúng theo lời em dặn.

Từ ngày cô Tiên về trời, cha con tôi đứt ruột đứt gan, tan nát trong lòng. Tôi đã sống những ngày như người chết chưa chôn.

Câu chuyện kể thật của Buu Nguyen ( Tác giả )